

Hajimete datta kara,
bikkuri-shimashita

Vì đây là lần đầu tiên, nên em giật mình.



Hội thoại hôm nay

ミーヤー: あ、揺れてる。

Ồi, có rung lắc.

Mi Ya A, yureteru.

タム : 地震! 助けて!

Động đất! Cứu với!

Tâm Jishin! Tasu¹kete!

はる : 落ち着いてください。

Hãy bình tĩnh.

Haru Ochitsuite kudasa¹i.

大丈夫ですよ。

Không sao đâu.

Daijo¹obu de¹su yo.

ミーヤー: ほら、もうおさまった。

Em thấy không, đã hết rung rồi.

Mi Ya Ho¹ra, mo¹o osama¹tta.

タム : 初めてだったから、

Vì đây là lần đầu tiên,
nên em giật mình.

Tâm Haji¹mete da¹tta kara,

びっくりしました。

bikku¹ri-shima¹shita.

Từ vựng

揺れる rung lắc

yureru

地震 động đất

jishin

助ける cứu, giúp

tasuke¹ru

落ち着く bình tĩnh

ochitsuku

ほら đấy, thấy không

ho¹ra

もう đã

mo¹o

おさまる lắng xuống

osama¹ru

初めて lần đầu tiên

haji¹mete

びっくりする giật mình

bikku¹ri-suru

Mẫu câu cơ bản

はじめ
初めてだったから、びっくりしました。

Hajimete da'tta kara, bikku'ri-shima'shita.

Vì đây là lần đầu tiên, nên em giật mình.

Để giải thích lý do, dùng trợ từ “kara” nghĩa là “vì”. Trong cấu trúc “[câu 1] kara, [câu 2]” thì [câu 1] chỉ lý do. Câu 1 dùng ở dạng thông thường thì sẽ tự nhiên hơn. Dạng thông thường không có “-desu” hay “-masu”.

(Xem trang 152-153)

Luyện tập

その映画、面白かったですか。

Sono eega, omoshiro'katta de'su ka.

話が難しかったから、よくわかりませんでした。

Hanashi ga muzukashi'katta kara, yo'ku wakarimase'ndeshita.

Phim đó có hay không?

Vì nội dung khó, nên tôi không hiểu lắm.

Thực hành

[câu 1] から、[câu 2]。 **Vì [câu 1], nên [câu 2].**

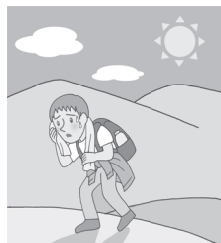
[câu 1] kara, [câu 2].

① 雨だった
ame da'tta
trời mưa

いきませんでした
ikimase'ndeshita
tôi đã không đi

② 暑かった
atsu'katta
trời nóng

疲れました
tsukarema'shita
tôi mệt



Mở rộng

たす
助けて!

Tasu'kete!

Cứu với!

Đây là thể TE của động từ “tasukeru” nghĩa là “cứu, giúp”. Từ này được dùng để kêu cứu trong trường hợp khẩn cấp, như khi bị bệnh, bị thương hoặc gặp tai nạn.



Kho tri thức của Haru-san

Khi có động đất

Khi có động đất, nếu đang ở trong nhà chịu được động đất, đừng ra ngoài. Thay vào đó, tìm 1 điểm an toàn trong nhà. Nếu rung lắc quá mạnh, đợi khi hết rung lắc, rồi cẩn trọng thoát ra ngoài. Nhớ bảo vệ đầu cả khi ở trong và ngoài nhà. Dùng đệm, sách hoặc túi nhẹ che lên đầu. Chui xuống gầm bàn cũng là cách hiệu quả để tự bảo vệ mình. Nằm chặt phần trên của chân bàn.



Cần chú ý có dư chấn. Nếu ở gần biển, hãy sơ tán đến nơi càng cao càng tốt vì có thể có sóng thần.

Đáp án ① 雨あめだったから、行いきませんでした。 A'ime da'tta kara, ikimase'ndeshita.
② 暑あつかったから、疲つかれました。 Atsu'katta kara, tsukarema'shita.